

Bản án số: 250/2021/HS-PT

Ngày: 21/6/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà;

Các Thẩm phán:

Ông Hồ Đình Trung;

Ông Nguyễn Xuân Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Đức Minh, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 21 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 571/TL-HSPT ngày 04 tháng 08 năm 2020 đối với bị cáo Đoàn Văn C phạm tội “Trốn thuế” do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2020/HS-ST ngày 16 tháng 06 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh P.

Bị cáo có kháng cáo: **Đoàn Văn C**; Sinh năm 1979, tại huyện H, tỉnh P; Nơi cư trú: Khu 3 xã X, huyện H, tỉnh P; Nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc công ty TNHH C1; Trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Đoàn thể: không; Con ông: Đoàn Văn X1 sinh năm 1949; Con bà: Hoàng Thị H1 sinh năm 1953; Hiện bố, mẹ đều làm ruộng tại Khu 3 xã X, huyện H, tỉnh P; Anh, chị em ruột: Có 07 anh, chị em (Bị cáo là con thứ tư); Vợ: Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1983; Con: có 03 con (lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2017); Tiền án, tiền sự: không; Hiện đang chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Đỗ Thị Hương G, Công ty luật TNHH T1 thuộc Đoàn Luật sư thành phố H2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh P, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty trách nhiệm hữu hạn C1 (sau đây gọi tắt là Công ty C1), có địa chỉ tại: khu 3, xã X, huyện H, tỉnh P. Người đại diện theo pháp luật là Đoàn Văn C, chức vụ: Giám đốc. Công ty C1 là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số thuế: 2600928273; đăng ký hoạt động kinh doanh trên địa bàn huyện H từ

ngày 24/12/2014 đến nay. Ngành, nghề kinh doanh: bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép, ván mỏng khác, đồ gỗ xây dựng; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng... Vốn điều lệ: **3.000.000.000đ**. Công ty TNHH C1 thực hiện kê khai nộp thuế giá trị gia tăng (sau đây viết tắt là GTGT) bằng phương pháp khấu trừ theo quý.

Quá trình hoạt động, Công ty C1 hoạt động sản xuất kinh doanh dăm mảnh gỗ làm nguyên liệu giấy dưới hình thức: Công ty thu mua gỗ nguyên liệu (gỗ keo) của các hộ dân trên địa bàn huyện H, thực hiện sản xuất thành dăm mảnh gỗ tại xưởng thuộc khu 2, xã Q, huyện H, tỉnh P sau đó xuất, bán ra thị trường.

Trong thời gian từ tháng 5/2018 đến tháng 5/2019, Công ty C1 đã thực hiện sản xuất và bán ra thị trường 3.699,365 tấn dăm mảnh gỗ. Trong đó:

- Bán hàng cho các đơn vị có xuất hóa đơn GTGT, thanh toán qua tài khoản của công ty và được hạch toán trên sổ sách kế toán là: 1.631,0 tấn tương đương số tiền 1.820.700.400 đồng.

- Ngoài số lượng dăm mảnh đã bán theo hóa đơn GTGT nêu trên, Công ty C1 còn bán cho bà Nguyễn Mai L, sinh năm 1978, ở thị trấn P1, huyện P2, tỉnh P với tổng khối lượng là: 2.068,365 tấn tương đương số tiền 2.178.031.000 đồng nhưng không xuất hóa đơn GTGT, không hạch toán doanh thu trên sổ sách kế toán của Công ty, không kê khai báo cáo thuế với đơn vị quản lý thuế trực tiếp là Chi cục thuế khu vực T2 - H. Cụ thể:

Đầu năm 2018, bà Nguyễn Mai L đã trực tiếp liên hệ với Đoàn Văn C - Giám đốc Công ty C1 để mua dăm mảnh gỗ nhưng không ký hợp đồng mua bán, không yêu cầu Công ty C1 xuất hoá đơn GTGT, giá thu mua từ 1.100.000đ đến 1.250.000đ/tấn tùy vào từng thời điểm. Địa điểm giao nhận hàng tại kho của Tổng công ty giấy V có địa chỉ tại thị trấn P1, huyện P2, tỉnh P. Để vận chuyển số dăm mảnh gỗ bán cho bà L, Công ty C1 đã sử dụng 02 xe ô tô tải BKS 19C-115.81 và xe 19C-062.40 do anh Nguyễn Văn T3 trú tại khu 3, xã X, huyện H, tỉnh P - là lái xe của Công ty C1 điều khiển chở dăm mảnh từ xưởng sản xuất của Công ty C1 đến kho của Tổng công ty giấy V giao cho bà L. Khi chở dăm mảnh đến kho Tổng công ty giấy V, lái xe sẽ liên hệ với bà L để làm các thủ tục cân hàng. Sau khi xuống hàng, lái xe mang phiếu cân vật tư về chuyển lại cho Đoàn Văn C tập hợp theo dõi số lượng dăm mảnh đã bán cho bà L để chốt số lượng và thanh toán tiền hàng. Trong thời gian từ tháng 5/2018 đến tháng 5/2019, Công ty C1 đã xuất bán cho bà L tổng số 2.068,365 tấn dăm mảnh gỗ tương đương số tiền 2.178.031.000đ (*trong đó năm 2018 bán 1.663,258 tấn, năm 2019 bán 405,107 tấn*). Bà L đã 36 lần chuyển khoản thanh toán tiền mua dăm mảnh gỗ cho C tổng số 2.178.031.000đ (*thể hiện ở 36 giấy báo nợ*) thông qua tài khoản của Đoàn Văn C và 03 cá nhân khác. Cụ thể:

- Chuyển vào tài khoản của Đoàn Văn C: 16 lần, với tổng số tiền: 740.022.000đ thông qua tài khoản số 2704205018588 mở tại Ngân hàng NN&PTNT Chi nhánh huyện H - P.

- Chuyển vào tài khoản của bà Nguyễn Thị Thanh T - vợ của Đoàn Văn C, là nhân viên Công ty TNHH C1: 17 lần, với tổng số tiền: 1.298.000.000đ thông qua tài khoản số 104000618985 mở tại Ngân hàng Vietinbank chi nhánh Đ.

- Chuyển vào tài khoản của bà Nguyễn Thị Thu H3 ở khu 3, xã X, huyện H, tỉnh P: 02 lần, với tổng số tiền 100.000.000đ thông qua tài khoản số 2704205068426 mở tại Ngân hàng NN&PTNT Chi nhánh huyện H, tỉnh P.

- Chuyển vào tài khoản ông Nguyễn Văn X1, ở khu 3, xã Lang Sơn, huyện H, tỉnh P: 01 lần, số tiền 40.009.900đ thông qua tài khoản số 2704205200866 mở tại Ngân hàng NN&PTNT Chi nhánh huyện H, tỉnh P.

Bản thân bà H3 và ông X1 không có quan hệ kinh tế cũng như không quen biết với bà L. Việc bà L chuyển tiền vào tài khoản của bà Nguyễn Thị Thu H3 và ông Nguyễn Văn X1 là do C đề nghị, vì C nhập nguyên liệu đầu vào của bà H3, ông X1 và nợ tiền, nên C đã nói với Long chuyển khoản cho những người này để trừ nợ.

Bà Nguyễn Thị Thanh T - vợ của Đoàn Văn C, là nhân viên Công ty TNHH C1 thường xuyên giao dịch tại ngân hàng nên C đã cung cấp số tài khoản của bà T cho bà L để chuyển tiền. Sau khi nhận được tiền trong tài khoản, bà T rút toàn bộ tiền ra đưa cho Đoàn Văn C, bà T không biết C sử dụng số tiền này và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty C1 cụ thể như thế nào.

Toàn bộ số tiền nhận được, C đã rút tiền mặt để thanh toán tiền mua nguyên liệu đầu vào và chi phí sản xuất. Theo quy định tại điều 16 Thông tư số: 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính quy định: “Người bán hàng phải lập hoá đơn khi bán hàng hoá ... Trường hợp khi bán hàng hoá từ 200.000đ trở lên mỗi lần người mua không lấy hoá đơn hoặc không cung cấp tên, địa chỉ, mã số thuế thì vẫn phải lập hoá đơn và ghi rõ người mua không lấy hoá đơn hoặc người mua không cung cấp tên, địa chỉ, mã số thuế”. Đồng thời phải ghi nhận doanh thu và giá vốn vào sổ sách kế toán, kê khai thuế đối với doanh thu phát sinh. Tuy nhiên để trốn tiền thuế GTGT phải nộp cho nhà nước, Công ty C1 đã không xuất hoá đơn GTGT, không hạch toán kê khai số tiền 2.178.031.000đ doanh thu từ việc bán 2.068,365 tấn dăm mảnh gỗ cho bà L.

Quá trình làm việc tại Cơ quan điều tra bà Nguyễn Mai L khai nhận:

Bà L được ông Trần Minh T4 sinh năm 1983 ở thị trấn P1, huyện P2, tỉnh P thuê thu mua dăm mảnh của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh P nhưng không yêu cầu đơn vị bán hàng xuất hoá đơn GTGT. Mỗi tấn dăm mảnh thu mua được ông T4 trả cho bà L số tiền 2.000đ. Do đó, bà L đã liên hệ để mua dăm mảnh gỗ của nhiều Công ty khác nhau trên địa bàn tỉnh P, trong đó, mua của Công ty C1 do Đoàn Văn C làm Giám đốc tổng số 2.068,365 tấn dăm mảnh gỗ nhưng không ký hợp đồng mua bán, không yêu cầu Công ty C1 xuất hoá đơn GTGT. Từ tháng 5/2018 đến tháng 5/2019, ông T4 chốt khối lượng dăm mảnh với bà L (thu mua của nhiều Công ty khác nhau), sau đó đã chuyển vào tài khoản cá nhân số 103868527382 của bà Nguyễn Mai L mở tại Ngân hàng Vietinbank chi nhánh Đ số tiền 10.178.791.000 đồng qua 33 lần thể hiện trên 33 giấy báo có; trong đó số

tiền thanh toán cho Công ty C1 là: 2.178.031.000đ (*hai tỷ một trăm bảy mươi tám triệu không trăm ba mươi một nghìn đồng*). Số tiền còn lại hơn 8 tỷ, bà L dùng để thanh toán tiền mua dăm mảnh của các doanh nghiệp và cá nhân khác.

Quá trình làm việc tại Cơ quan điều tra ông Trần Minh T4 khai nhận:

Đầu năm 2018, Công ty TNHH lâm sản Đ2 có trụ sở tại: pH3 Đăng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201318931 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 06/11/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 23/01/2019; vốn điều lệ: 10.000.000.000đ; ngành nghề kinh doanh chính: Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; người đại diện theo pháp luật là ông Đoàn Ngọc H4 sinh năm 1985, chức danh: Giám đốc; số căn cước công dân: 031085000909 cấp ngày 12/4/2016 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp; ông H4 có hộ khẩu thường trú tại: xóm 7, xã Hòa Bình, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Và Công ty cổ phần T6 có trụ sở tại xã T5, huyện Đ1, tỉnh P hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số thuế: 2600705929 đăng ký lần đầu ngày 29/11/2010; vốn điều lệ: 50.000.000.000đ; ngành nghề kinh doanh chính: Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ; người đại diện theo pháp luật là bà Đoàn Thị Hiền sinh năm 1975, chức danh: Giám đốc; số chứng minh nhân dân: 131083915 cấp ngày 19/10/2019 do Công an tỉnh P cấp, bà Hiền có hộ khẩu thường trú tại: xã T5, huyện Đ1, tỉnh P. Hai công ty trên thuê ông T4 thu mua dăm mảnh gỗ để bán cho Tổng công ty Giấy V. Mỗi tấn dăm mảnh thu mua được Công ty TNHH Lâm Sản Đ2 và Công ty cổ phần T6 trả cho ông T4 số tiền 5.000đ. Sau đó, ông T4 đã thuê bà Nguyễn Mai L thu mua dăm mảnh và thỏa thuận trả cho bà L 2.000đ/tấn thu mua được. Từ tháng 5/2018 đến tháng 5/2019, bà L đã thu mua cho ông T4 tổng số 2.068,365 tấn dăm mảnh gỗ của Công ty C1 như đã nêu trên. Ông T4 đã phân bổ Công ty TNHH lâm sản Đ2 là 135,049 tấn và phân bổ cho Công ty cổ phần T6 là 1.933,316 tấn để nhập vào Tổng công ty giấy V.

Sau đó, Công ty TNHH lâm sản Đ2 và Công ty cổ phần T6 đã chuyển khoản thanh toán tiền dăm mảnh vào tài khoản cá nhân số 104868004590 của ông T4 mở tại Ngân hàng Viettinbank chi nhánh Đ số tiền: 10.210.000.000đ vào 24 lần (thể hiện trên 24 giấy báo có) để thanh toán tiền mua dăm mảnh (*trong đó: Công ty TNHH lâm sản Đ2 chuyển 15 lần, số tiền 4.900.000.000đ, Công ty cổ phần T6 chuyển 09 lần, số tiền 5.310.000.000đ*), ông T4 đã chuyển vào tài khoản cá nhân số 103868527382 của bà Nguyễn Mai L mở tại Ngân hàng Vietinbank chi nhánh Đ số tiền 10.178.791.000đ vào 33 lần thể hiện trên 33 giấy báo có để bà L thanh toán tiền cho các đơn vị bán dăm (*trong đó có số tiền 2.178.031.000đ tiền thanh toán cho Công ty C1, số còn lại bà L thanh toán cho các đơn vị khác*); còn lại số tiền 31.209.000đ Tiến dùng để thanh toán tiền mua hàng lần sau.

Ngày 08/10/2019, Cơ quan CSĐT đã ra Quyết định số 252 Trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định số tiền thuế phải nộp đối với số lượng dăm mảnh gỗ mà Công ty C1 đã xuất bán nhưng không xuất hóa đơn GTGT, không kê khai, hạch toán nêu trên.

Tại Kết luận giám định ngày 16/10/2019 của Cục thuế tỉnh P xác định số tiền thuế GTGT mà Công ty C1 đã trốn là:

$$(2.178.031.000 : 1,1) \times 10\% = 198.002.818đ.$$

Quá trình điều tra, CQĐT đã thu thập hồ sơ, tài liệu liên quan đến chi phí sản xuất của Công ty C1 để phục vụ việc giám định xác định việc kê khai, nộp thuế TNDN của Công ty C1. Ngày 13/02/2020, Cơ quan CSĐT đã ra Quyết định số 37 Trưng cầu Cục thuế tỉnh P giám định về thuế TNDN đối với số lượng dăm mảnh gỗ mà Công ty C1 đã xuất bán nhưng không xuất hóa đơn GTGT, không kê khai, hạch toán nêu trên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2020/HS-ST ngày 16/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh P đã quyết định:

Căn cứ điểm b, c Khoản 1 Điều 200; Điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 35; điểm b Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: bị cáo Đoàn Văn C 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) về tội “Trốn thuế”.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Đoàn Văn C.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 198.003.000đ (Một trăm chín mươi tám triệu không trăm linh ba nghìn đồng) theo Ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử lập ngày 24/3/2020 do Công an tỉnh P chuyển vào số tài khoản 3949.0.1054969.00000 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thủ Thọ tại Kho bạc nhà nước tỉnh P.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo Đoàn Văn C kháng cáo kêu oan, đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo, xuất trình bảng kê xuất bán dăm cho Tổng công ty giấy V năm 2018 và 6 tháng năm 2019, cho rằng số dăm xuất bán trên đã được viết hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty TNHH V2 nên bị cáo không trốn thuế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích đánh giá tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa có ý kiến thể hiện: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử Đoàn Văn C về tội “Trốn thuế” là đúng người, đúng tội, không oan. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm

Người bào chữa cho bị cáo Đoàn Văn C có quan điểm thể hiện: Quá trình mua bán giữa công ty của bị cáo và bà Nguyễn Mai L chỉ thể hiện bà L là người trực tiếp mua hàng và đưa hàng vào Tổng công ty giấy V, bà L là người mua hàng và xuất hóa đơn cho công ty nào là do bà L chỉ định. Trong vụ án này, bà L là trung gian và xử lý hóa đơn giữa các Công ty sản xuất dăm với Công ty giấy V để

phù hợp với hợp đồng kinh tế và xuất hóa đơn. Thực tế thì nguồn tiền bị cáo nhận được từ bà L là số tiền vay ứng trước để xuất hàng, sau khi công ty V2 chuyển tiền cho bị cáo thì bị cáo sẽ rút ra và trả cho bà L nên cần xác định rõ mối quan hệ giữa bà L với công ty C1 và bà L với công ty V2 là như thế nào, vấn đề này giai đoạn điều tra chưa làm rõ.

Tại các phiếu cân hàng vào Tổng công ty giấy V với Công ty TNHH lâm sản Đ2 và Công ty cổ phần T6 thì không phải do công ty C1 bán mà do bà L, việc bán cho ai? Vào đầu nào? thì đều do bà L nắm bắt. Cần phải làm rõ việc bà L là người trung gian nhưng không được triệu tập đến phiên tòa là chưa thấu đáo. Luật sư đề nghị HĐXX hoãn phiên tòa để triệu tập thêm những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Mai L, người đại diện theo pháp luật của Công ty V2 để làm rõ mối quan hệ giữa Công ty V2 với Công ty C1, bà L và đối chiếu số liệu được cơ quan điều tra thu thập với bị cáo để công khai, minh bạch.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về hành vi, quyết định tố tụng*: Các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. *Về nội dung*:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Đoàn Văn C đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung của bản án sơ thẩm, đã nộp số tiền 198.003.000đ đã trốn thuế để khắc phục hậu quả.

Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo có kháng cáo kêu oan, đề nghị hủy bản án sơ thẩm. Cho rằng năm 2018 và 6 tháng năm 2019 Công ty bị cáo có xuất bán dăm cho Tổng công ty giấy V, phương tiện vận chuyển là hai xe ô tô BKS 19C-06240 và 19C-11581, với khối lượng là 2.707,540 tấn, đã viết hóa đơn đơn giá trị gia tăng cho Công ty TNHH V2 năm 2018 là 1.631,435 tấn, còn lại 1.076,105 tấn chưa viết hóa đơn nên bị cáo không phạm tội trốn thuế.

Xét kháng cáo của bị cáo Đoàn Văn C, Hội đồng xét xử thấy: Quá trình điều tra bị cáo Đoàn Văn C khai (BL 143): toàn bộ dăm mảnh Công ty C1 sản xuất ra chỉ bán cho bà Nguyễn Mai L từ năm 2016 đến nay, ngoài ra không bán cho ai khác. Khoảng đầu năm 2018 bà L nói cần Công ty C1 xuất hóa đơn cho Công ty V2, số lượng bao nhiêu thì V2 chuyển khoản thanh toán vào tài khoản của Công ty C1, còn với lượng hàng dăm bán cho bà L mà bà L không yêu cầu viết hóa đơn thì bà L chuyển khoản thanh toán vào tài khoản cá nhân của bị cáo. Ngoài Công ty V2 thì bà L không yêu cầu Công ty C1 xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho công ty nào khác.

Bà Nguyễn Mai L khai (BL 1.129): Khi giao hàng, Công ty C1 chở dăm từ xưởng xuống giao tại Tổng Công ty giấy V (Công ty giấy). Tôi sẽ hướng dẫn lái xe thủ tục vào Công ty giấy ghi tên Công ty V2 (giai đoạn từ cuối năm 2017 đến đầu năm 2018). Cuối tháng Công ty C1 sẽ xuất hóa đơn GTGT bán mặt hàng dăm cho Công ty V2. Sau đó Công ty V2 chuyển khoản theo số tiền ghi trên hóa đơn trả cho Công ty C1. Từ giữa năm 2018 tôi không làm cho Công ty V2 nữa và lại thu mua dăm mảnh cho Công ty cổ phần T6 và Công ty TNHH lâm sản Đ2 với phương thức giao hàng như trên. Do hai công ty trên không lấy hóa đơn GTGT nên Công ty C1 không xuất hóa đơn GTGT cho khối lượng dăm xuất bán cho 2 công ty.

Lời khai nhận tội của của bị cáo Đoàn Văn C trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với vật chứng thu giữ, lời khai của người làm chứng, kết luận giám định, cùng các tài liệu đã thu trong quá trình điều tra như: Chứng từ thể hiện việc chuyển tiền giữa Công ty TNHH lâm sản Đ2, Công ty cổ phần T6 với ông T4, giữa ông T4 với bà L; bà L chuyển tiền cho Đoàn Văn C, bà Nguyễn Thị Thanh T (vợ bị cáo) và một số cá nhân khác theo yêu cầu của C để thanh toán tiền hàng cho Đoàn Văn C. Bảng kê, phiếu cân vật tư kèm chứng thư giám định chất lượng và khối lượng của Tổng công ty giấy V thể hiện số lượng dăm mảnh Công ty C1 chở đến cho Công ty TNHH lâm sản Đ2, Công ty cổ phần T6 để nhập vào Tổng công ty Giấy; trình bày của ông Nguyễn Sỹ C2, giám đốc Công ty V2, hóa đơn giá trị gia tăng do Công ty C1 xuất cho Công ty V2 với khối lượng là 1.631,435 tấn phù hợp với kết luận điều tra xác định Công ty C1 bán hàng có xuất hóa đơn GTGT và thanh toán qua tài khoản Công ty và được hạch toán trên sổ sách kế toán là 1.631 tấn dăm tương đương số tiền 1.820.700.400đ.

Từ những căn cứ trên đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2018 đến tháng 5/2019, Đoàn Văn C đã thực hiện thu mua gỗ nguyên liệu của các hộ dân trồng rừng trên địa bàn huyện H - P không có hóa đơn chứng từ rồi sản xuất thành hàng dăm mảnh tại xưởng của công ty tại Khu 2 xã Q, huyện H, tỉnh P. Sau đó, Đoàn Văn C xuất bán hàng cho bà Nguyễn Mai L theo thỏa thuận từ 1.100.000đ đến 1.250.000đ/tấn dăm mảnh (tùy vào từng thời điểm). Tổng số lượng xuất bán 2.068,365 tấn dăm mảnh gỗ với số tiền 2.178.031.000đ. Quá trình bán hàng không ký Hợp đồng mua bán hàng hóa, không xuất hóa đơn giá trị gia tăng. Bà L đã thanh toán tiền mua hàng vào tài khoản cá nhân của C và 03 cá nhân khác tổng số tiền 2.178.031.000đ thông qua 36 lần chuyển tiền. Toàn bộ số tiền có được từ việc bán 2.068,365 tấn dăm mảnh gỗ cho bà Nguyễn Mai L là: 2.178.031.000đ, C không hạch toán trên hệ thống sổ sách kế toán của Công ty C1, không kê khai nộp thuế tại Chi cục thuế khu vực T2 - H. Số tiền thuế giá trị gia tăng nhà nước bị thất thu trong vụ án này theo kết luận giám định về thuế là: 198.002.818đ (Một trăm chín mươi tám triệu không trăm linh hai nghìn tám trăm mười tám đồng).

Hành vi nêu trên của Đoàn Văn C đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Trốn thuế” theo quy định tại khoản 1 Điều 200 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, không oan. Do đó, không cần thiết phải hoãn phiên tòa như đề nghị của người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa.

Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo Đoàn Văn C phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện nộp toàn bộ số tiền đã trốn thuế để khắc phục hậu quả là: 198.003.000đ (Một trăm chín mươi tám triệu không trăm linh ba nghìn đồng) để áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để quyết định áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính, xử phạt bị cáo 100.000.000đ là phù hợp. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa.

Đối với Công ty cổ phần T6, Công ty TNHH lâm sản Đ2 khi mua hàng nhưng không yêu cầu các đơn vị bán hàng xuất hóa đơn GTGT; bà Nguyễn Mai L và ông Trần Minh T4 là 02 cá nhân đã được thuê thu mua dăm mảnh của các Công ty sản xuất giao cho Tổng công ty Giấy V, bà L và ông T4 không yêu cầu Công ty C1 xuất hóa đơn GTGT nên biết việc Công ty không hạch toán doanh thu, không kê khai báo cáo thuế từ việc bán dăm mảnh nêu trên. Do vậy, kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh P tiếp tục xác minh làm rõ, nếu có căn cứ xử lý theo quy định của pháp luật

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí phúc thẩm: bị cáo kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đoàn Văn C; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2020/HS-ST ngày 16 tháng 06 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh P.

1. Áp dụng điểm b, c Khoản 1 Điều 200; Điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 35; điểm b Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: bị cáo Đoàn Văn C 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) về tội “Trốn thuế”.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Đoàn Văn C.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 198.003.000đ (Một trăm chín mươi tám triệu không trăm linh ba nghìn đồng) theo Ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử lập ngày 24/3/2020 do Công an tỉnh P chuyển vào số tài khoản 3949.0.1054969.000000 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thủ Thợ tại Kho bạc nhà nước tỉnh P.

2. Về án phí: bị cáo Đoàn Văn C phải chịu 200.000đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có

hiệu lực pháp luật ngay sau khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh P;
- VKSND tỉnh P;
- Cục THADS tỉnh P;
- Sở Tư pháp tỉnh P;
- Bị cáo (qua địa chỉ);
- Lưu HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Thị Thu Hà